

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST - HNGĐ ngày 30/6/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ : Thôn TN, xã ID huyện ĐC tỉnh GL; Chị H vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983; Địa chỉ : Thôn A, xã TC, huyện TH, tỉnh TH; Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2023, bản tự khai ngày 26/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Châu (Nay là xã Tân Châu), huyện TH, tỉnh TH vào ngày 18/02/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ghen tuông vô cớ, đánh đập chị H nhiều lần, từ năm 2017 vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi chị H chuyển vào GL sinh sống; Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Chiến sinh ngày 25/3/2007 và cháu Nguyễn Thanh Chúc sinh ngày 14/7/2009. Ly hôn chị H

yêu cầu được nuôi cháu Chúc, đề nghị giao cháu Chiến cho anh T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Ngọc T nhiều lần đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa nhưng anh T không đến nên không có bản khai, không có ý kiến của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Ngọc T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện TH vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa do đó căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, hai bên không ngồi lại được với nhau tại Tòa án để tiến hành hòa giải, chị H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, anh T bỏ mặc không có ý kiến nín kéo hôn nhân với chị H trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Chiến sinh ngày 25/3/2007 và cháu Nguyễn Thanh Chúc sinh ngày 14/7/2009, chị H xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Nguyễn Ngọc Chiến sinh ngày 25/3/2007 và cháu Nguyễn Thanh Chúc sinh ngày 14/7/2009, có ghi họ tên bố là anh Nguyễn Ngọc T, họ tên mẹ là Trần Thị H, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Nguyễn Ngọc Chiến và Nguyễn Thanh Chúc là con chung của chị H và anh T. Nên giao cháu Chiến cho anh T nuôi dưỡng, cháu Chúc cho chị H nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu Chúc và cháu Chiến, hiện tại cháu Chiến đang ở với anh T, cháu Chúc đang ở với chị H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chị H và anh T mỗi người nuôi 01 con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản và công nợ: Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của anh T, đối với phần tài sản giữa anh T và chị H nếu có tài sản sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Chiến sinh ngày 25/3/2007 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Chúc sinh ngày 14/7/2009 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2021/0006200 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;
- TAND tỉnh TH;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;
- TAND tỉnh TH;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Hùng

Trần Công Lâm

Hoàng Văn Đạt